TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC NINH
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2024/HNGĐ - ST
Ngày 30 – 7 – 2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thanh Ngọc

Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Đức Phú và ông Đỗ Văn Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Kim Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 231/2024/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp việc nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2024/QĐXX-ST ngày 01 tháng 7 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đức Q, sinh năm 1987; Nơi thường trú: Số 83, đường Nguyễn Huy Tưởng, khu 2, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh (Có mặt).

Bị đơn: Chị Trần Thùy L, sinh năm 1988; HKTT: Số 83, đường Nguyễn Huy Tưởng, khu 2, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; Nơi cư trú: Số nhà BT05, KĐT Đại Dương, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh (Có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1959; HKTT: Số nhà BT05, KĐT Đại Dương, đường Bình Than, khu 5, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh (Có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1962; HKTT: Thôn Ngọc Tỉnh, xã S, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai tại Tòa án, anh Nguyễn Đức Q trình bày: Anh và chị Trần Thùy L được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết

hôn ngày 03/12/2014 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện T, tỉnh Bắc Ninh (Nay là phường Song Liễu, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh). Thời điểm đầu, vợ chồng chung sống hòa thuận không có mâu thuẫn gì. Nhưng đến năm 2023, vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về tính cách và lối sống. Vợ chồng luôn căng thẳng khi nói chuyện với nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng rơi vào tình trạng trạng trầm trọng. Hai bên gia đình hòa giải, vợ chồng cũng cho nhau thời gian nhưng tình trạng vợ chồng vẫn không được cải thiện. Vợ chồng ly thân cuối năm 2023 đến nay. Nay anh xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống nên anh đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn chị Trần Thùy L.

Về con chung: Anh và chị L có 02 con chung là Nguyễn Minh S, sinh ngày 03/8/2015 và Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 21/8/2019. Hiện con đang sống cùng chị L. Ly hôn anh đề nghị mỗi người nuôi 01 con chung, theo quyết định của Tòa án hoặc theo nguyện vọng của chị L muốn nuôi cháu nào thì tôi sẽ nuôi cháu còn lại. Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh xác nhận quá trình chung sống vợ chồng có xây dựng được khối tài sản chung gồm: 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vious, BKS: 99A-186.20 đứng tên Nguyễn Thị L và số tiền 700.000.000 đồng. Hiện nay, anh đang là người quản lý, sử dụng khối tài sản trên. Ly hôn anh chỉ đồng ý chia đôi khối tài sản chung.

Về công nợ chung: Anh xác nhận anh và chị L có vay tiền của bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1959; Nơi thường trú: Số nhà BT05, KĐT Đại Dương, đường Bình Than, khu 5, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh số tiền là 240.000.000 đồng. Đến nay anh và chị L chưa thanh toán cho bà T. Nay vợ chồng anh ly hôn, bà T yêu cầu vợ chồng anh thanh toán cho bà T số tiền 240.000.000 đồng thì anh đồng ý và chia đôi công nợ, anh và chị L mỗi người có trách nhiệm thanh toán cho bà T số tiền 120.000.000 đồng.

Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai chị Trần Thùy L trình bày: Chị và anh Nguyễn Đức Q có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày ngày 03/12/2014 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện T, tỉnh Bắc Ninh (Nay là phường Song Liễu, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh). Tuy nhiên quá trình vợ chồng chung sống không có mâu thuẫn gì, đến giữa tháng 12/2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Anh Q về nhưng ngủ phòng khác và nói chị phải thay đổi tính cách vì việc gì trong gia đình cũng phải đến tay anh Q. Sau đó thì anh Q dọn ra ở riêng từ đầu năm 2024. Chị xác định còn tình cảm với anh Q nên không đồng ý ly hôn anh Q.

Về con chung: Xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Minh S, sinh ngày 03/8/2015 và Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 21/8/2019. Trường hợp buộc phải ly hôn, chị đề nghị được nuôi dưỡng cả 02 con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung: yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000 đồng/tháng/cháu.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống vợ chồng có xây dựng được khối tài sản chung gồm: 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vious, BKS: 99A-186.20 đứng tên Nguyễn Thị L là mẹ đẻ anh Q và số tiền 700.000.000 đồng. Hiện nay, anh Q đang là người quản lý, sử dụng khối tài sản trên. Ly hôn chị đề nghị được quản lý, sử dụng toàn bộ khối tài sản trên và không phải trích trả tiền chênh lệch cho anh Q.

Về công nợ chung: Chị và anh Q có vay tiền của mẹ đẻ chị là bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1959; Nơi thường trú: Số nhà BT05, KĐT Đại Dương, đường Bình Than, khu 5, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh số tiền là 240.000.000 đồng. Đến nay chưa thanh toán cho bà T. Nay vợ chồng chị ly hôn, bà T yêu cầu vợ chồng chị thanh toán cho bà T số tiền 240.000.000 đồng thì chị đồng ý và đề nghị anh Q phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ công nợ này cho bà T.

Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai bà Nguyễn Thị T trình bày: Năm 2019 bà có cho anh Q, chị L vay số tiền 140.000.000 đồng để mua xe ô tô và đến năm 2022 thì bà tiếp tục cho anh Q, chị L vay số tiền 100.000.000 đồng để đầu tư. Khi vay hai bên chỉ thỏa thuận miệng, không lãi suất, không thỏa thuận về thời hạn thanh toán. Đến nay anh Q, chị L chưa thanh toán được khoản nợ gốc nào. Chị L và anh Q ly hôn bà đề nghị Tòa án buộc anh Q, chị L thanh toán cho bà tổng số nợ gốc là 240.000.000 đồng và không yêu cầu tiền lãi.

Tại bản tường trình bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà có đứng tên sở hữu 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vious, BKS: 99A-186.20. Nguồn gốc chiếc xe này là của con gái bà mua và để bà đứng tên. Sau đó, anh Q, chị L mua lại và chưa kịp sang tên. Bà xác định anh Q, chị L là chủ sở hữu chiếc xe. Nay anh Q, chị L ly hôn và đề nghị chia tài sản là 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vious, BKS: 99A-186.20 thì bà đề nghị Tòa án chia theo quy định pháp luật, bà không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn có mặt, giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn chị L do vợ chồng không còn tình cảm và không thể quay về đoàn tụ nữa do trong quá trình ly thân từ tháng 11/2023 và ly hôn chị L thường xuyên đem chuyện gia đình nói chuyện với người khác, dẫn đến mọi người nghĩ sai về anh và làm ảnh hưởng đến cuộc sống, công việc của anh. Về con chung: Ly hôn đề nghị được nuôi dưỡng cả 02 con chung, trường hợp chỉ được nuôi dưỡng 01 con chung thì anh có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 21/8/2024 và

không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung. Do cháu D kể từ khi sống với anh thì đều phát triển tốt về sức khỏe và tinh thần. Về tài sản chung: Đề nghị chia đôi tài sản chung gồm số tiền 700.000.000 đồng và 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vious, BKS: 99A-186.20 đứng tên Nguyễn Thị L. Anh đồng ý giao xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vious, BKS: 99A-186.20 cho chị L quản lý, sử dụng. Về công nợ chung: Anh đồng ý cùng chị L thanh toán số nợ gốc 240.000.000 đồng cho bà T, trong đó anh và chị L mỗi người có trách nhiệm thanh toán 120.000.000 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn có mặt, giữ nguyên quan điểm không đồng ý ly hôn anh Q do muốn giữ bố cho các con. Vợ chồng ly thân từ tháng 1/2024 đến nay, không phải là từ tháng 11/2023 như anh Q trình bày. Anh Q cho rằng chị tác động đến người khác và đe dọa làm ảnh hưởng đến cuộc sống, công việc của anh Q nhưng anh Q không cung cấp được tài liệu chứng cứ mà chỉ tự suy diễn và mọi người có quan tâm đến vợ chồng chị thì mới đưa ra lời khuyên, chứ không phải là chị ngeh theo tác động của người khác làm ảnh hưởng đến anh Q. Việc anh Q cho rằng ly hôn do tính cách của chị thì trước khi cưới anh Q và chị đã được tìm hiểu 05 năm nên anh Q đã hiểu cũng như chấp nhận. Về con chung: Trường hợp buộc ly hôn với anh Q, chị đề nghị được nuôi dưỡng cả 02 con chung là Nguyễn Minh S, sinh ngày 03/8/2015 và Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 21/8/2019. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Q cấp dưỡng 2.500.000 đồng/tháng/cháu. Về tài sản chung: Yêu cầu Tòa án chia đôi khối tài sản chung gồm số tiền 700.000.000 đồng, 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vious, BKS: 99A-186.20 đứng tên Nguyễn Thị L và giao cho chị được quản lý, sử dụng 01 xe ô tô. Về công nợ chung: Chị và anh Q cùng có trách nhiệm thanh toán cho bà T số nợ gốc là 240.000.000 đồng. Chị và anh Q mỗi người thanh toán 120.000.000 đồng và thanh toán ngay trước phiên tòa do chị không còn muốn dây dưa với anh Q.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà T có mặt, giữ nguyên yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án buộc anh Q, chị L phải có trách nhiệm thanh toán cho bà toàn bộ số nợ gốc là 240.000.000 đồng, không yêu cầu lãi suất và thanh toán ngay. Anh Q không còn sống chung với chị L cùng gia đình tôi từ 20/01/2024 âm lịch và khi anh Q đi thì trả lại gia đình chìa khóa, mang hết đồ đạc đi cũng như nói với gia đình là không bao giờ quay về nhà này nên tôi để bảo vệ gia đình tôi mới phải thay khóa cửa. Việc chị L gửi con cho bác là do chị L không liên hệ được với anh Q.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà L có mặt xác nhận 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vious, BKS: 99A-186.20 đứng tên Nguyễn Thị L là của anh Q,

chị L. Bà chỉ đứng tên hộ nên không liên quan và không có ý kiến gì đối với chiếc xe ô tô trên. Vợ chồng anh Q chị L khi ly thân gia đình đã khuyên quay về đoàn tụ nhưng gia đình chị L thay khóa cửa, khiến anh Q muốn quay về cũng không được, khi gia đình chị L gọi điện cho bà cũng có những lời lẽ không hay đối với anh Q.

Đại diện VKSND thành phố B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tại phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo nguyên tắc xét xử. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Đức Q được ly hôn chị Trần Thùy L.

- Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Minh S, sinh ngày 03/8/2015 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng và cháu Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 21/8/2019 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Xác nhận tài sản chung của anh Q, chị L gồm: Số tiền 700.000.000 đồng hiện do anh Q quản lý và 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vious, BKS: 99A-186.20 giấy đăng ký xe mang tên bà Nguyễn Thị L trị giá 256.000.000 đồng.

Chia cho chị L sở hữu 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vious, BKS: 99A-186.20 giấy đăng ký xe mang tên bà Nguyễn Thị L và được nhận số tiền do anh Q trích trả chênh lệch về tài sản là 222.000.000 đồng.

Anh Q phải trích trả cho chị L chênh lệch về tài sản số tiền 222.000.000 đồng.

- Về công nợ: Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị T. Buộc anh Nguyễn Đức Q và chị Trần Thùy L có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị T số tiền 240.000.000 đồng (Anh Q, chị L mỗi người thanh toán 120.000.000 đồng)

- Về án phí: Anh Q, chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp, anh Nguyễn Đức Q yêu cầu xin ly hôn chị Trần Thùy L và giải quyết nuôi con chung khi ly hôn. Chị L đề nghị giải quyết chia tài sản chung nên quan hệ pháp luật giải quyết trong vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản chung khi ly hôn".

Bị đơn chị Trần Thùy L đăng ký thường trú tại phường S, thành phố B và hiện đang cư trú tại phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Vì vậy, căn cứ Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố B thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đức Q và chị Trần Thùy L kết hôn ngày 03/12/2014, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện T, tỉnh Bắc Ninh (Nay là phường Song Liễu, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh), như vậy đây là hôn nhân hợp pháp. Anh Q và chị L đều thừa nhận vợ chồng ly thân từ tháng 01/2024. Nguyên nhân mâu thuẫn anh Q cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm về tính cách, lối sống. Chị L cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì, anh Q nói cho thời gian suy nghĩ và không được liên hệ, soi mói công việc của anh nhưng lại làm đơn ly hôn nên chị không thể có biện pháp gì để vợ chồng quay về đoàn tụ. Anh Q làm đơn xin ly hôn, chị L không đồng ý ly hôn. HĐXX xét xử xét thấy, anh Q và chị L ly thân đã được hai bên gia đình đã hòa giải, trung tâm hòa giải tại Tòa án và quá trình giải quyết vụ án đã hòa giải để vợ chồng quay về đoàn tụ nhưng tình trạng vợ chồng vẫn không được cải thiện. Anh Q nhất quyết ly hôn, chị L không đồng ý ly hôn vì muốn giữ bố cho các con. Tuy nhiên, nguyên tắc cơ bản của hôn nhân là tự nguyện, tình cảm phải có từ hai phía. Vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Q và chị L đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần xử cho anh Q được ly hôn chị L.

[3] Về con chung: Anh Q và chị L có 02 con chung là Nguyễn Minh S, sinh ngày 03/8/2015 và Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 21/8/2019. Ly hôn anh Q và chị L đều đề nghị được nuôi dưỡng cả 02 con chung.

Xét thấy: Anh Q và chị L đều có công việc, thu nhập, chỗ ở ổn định. Anh Q, chị L đều có nguyện vọng nuôi con và đủ điều kiện để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Hiện cháu S đang ở với mẹ và có nguyện vọng ở với mẹ, cháu D đang ở với bố nên để tranh sự xáo trộn cuộc sống của các cháu. Hội đồng xét xử quyết định giao chị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu S, giao anh Q trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu D. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn đều xác định vợ chồng có xây dựng được khối tài sản chung gồm: số tiền

700.000.000 đồng và 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vious, BKS: 99A-186.20 đứng tên Nguyễn Thị L trị giá 256.000.000 đồng. Bà L cũng thừa nhận chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vious, BKS: 99A-186.20 đứng tên bà là tài sản của anh Q, chị L. Đây đều là những tình tiết, sự kiện các bên thừa nhận nên không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tổng giá trị tài sản là: 956.000.000 đồng

Về công sức đóng và hình thành tài sản: Anh Q đề nghị chia đôi khối tài sản chung, chị L đề nghị được chia toàn bộ khối tài sản chung do anh Q khi ly hôn có nói về việc cho chị toàn bộ khối tài sản chung nhưng đến nay tại phiên tòa chị L, anh Q đều thống nhất về việc chia đôi tài sản chung. Hội đồng xét xử xét thấy quá trình chung sống chị L, anh Q đều là cán bộ công chức nhà nước. Nguồn gốc khối tài sản chung đều từ thu nhập của hai vợ chồng và vợ chồng vay mượn mà có. Theo quy định Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình thì khi chia tài sản chung phải tính đến công sức đóng góp của mỗi bên, Hội đồng xét xử xét thấy anh Q, chị L có công sức ngang nhau và tại phiên tòa anh Q, chị L đều đồng ý chia đôi nên anh Q, chị L đều được hưởng 50% giá trị tài sản là 478.000.000 đồng là phù hợp.

Tại phiên tòa, anh Q chị L đều đồng ý giao 01 ô tô nhãn hiệu Toyota Vious, BKS: 99A-186.20 đứng tên Nguyễn Thị L cho chị L quản lý, sử dụng là tự nguyện nên cần ghi nhận sự thỏa thuận các bên.

[5] Về công nợ chung và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà T: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều xác nhận năm 2019 vợ chồng anh Q, chị L có vay mẹ chị L là bà T tổng số tiền 240.000.000 đồng, đến nay chưa thanh toán. Hai bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không lãi suất và không thỏa thuận về thời hạn thanh toán. Đây đều là những tình tiết, sự kiện các bên thừa nhận nên không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử xét thấy: Quan hệ vay nợ giữa anh Q, chị L và bà T là giao dịch dân sự tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật được thể hiện dưới hình thức bằng lời nói không có kỳ hạn, không có lãi. Đến nay, anh Q, chị L chưa thanh toán được khoản nợ gốc nào. Nay anh Q, chị L ly hôn, bà T yêu cầu anh Q, chị L thanh toán nợ gốc là 240.000.000 đồng và không yêu cầu trả lãi là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

Đối với khoản vay bà T, anh Q, chị L đều để sử dụng vào việc gây dựng khối tài sản chung và anh Q, chị L đều đồng ý chia đôi công nợ nên anh Q, chị L đều phải có trách nhiệm thanh toán cho bà T, mỗi người thanh toán 50% công nợ.

[6] Về án phí, chi phí tố tụng: Anh Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Q, chị L phải chịu án phí chia tài sản tương ứng với phần tài sản được hưởng.

Yêu cầu độc lập của bà T được chấp nhận nên bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 8.000.000 đồng. Chị L yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật. Do chị L đã tạm ứng toàn bộ số tiền là 8.000.000 đồng. Căn cứ khoản 2 Điều 157, Điều 158 và khoản 2 Điều 156 Bộ luật tố tụng dân sự nên buộc anh Q có nghĩa vụ trả lại cho chị L số tiền 4.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 146, 147, 161, 204, 220, 227, 235, 264, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 119, 280, 288, 463, 466, 469 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 29, 33, 37, 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Đức Q được ly hôn chị Trần Thùy L.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thùy L là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Minh S, sinh ngày 03/8/2015. Anh Nguyễn Đức Q là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 21/8/2019. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung chung: Xác nhận tài sản chung của anh Q, chị L gồm: Số tiền 700.000.000 đồng hiện do anh Q quản lý và 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vious, BKS: 99A-186.20 giấy đăng ký xe mang tên bà Nguyễn Thị L trị giá 256.000.000 đồng.

Chia cho chị L sở hữu 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vious, BKS: 99A-186.20 giấy đăng ký xe mang tên bà Nguyễn Thị L và được nhận số tiền do anh Q trích trả chênh lệch về tài sản là 222.000.000 đồng.

Anh Q phải trích trả cho chị L chênh lệch về tài sản số tiền 222.000.000 đồng.

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký quyền sở hữu động sản theo quy định của pháp luật.

4. Về công nợ: Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị T. Buộc anh Nguyễn Đức Q và chị Trần Thùy L có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị T số tiền 240.000.000 đồng (Anh Q, chị L mỗi người thanh toán 120.000.000 đồng).

5. Về chi phí tố tụng: Anh Q có trách nhiệm trả cho chị L 4.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, người thi hành án không tự nguyện thi hành thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; Nếu không có thỏa thuận thì được thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự**.**

6. Về án phí dân sự: Anh Nguyễn Đức Q phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm; 23.120.000 đồng và 6.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Xác nhận anh Nguyễn Đức Q đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu ký hiệu: BLTU/23, số 0000747 ngày 16/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B).

Chị Trần Thùy L phải chịu 23.120.000 đồng và 6.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Xác nhận chị Trần Thùy L đã nộp 13.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu ký hiệu: BLTU/23, số 0000825 ngày 24/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B).

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND TP Bắc Ninh;
- Chi cục THADS TP Bắc Ninh;
- UBND phường Song Liễu, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đỗ Thanh Ngọc

HỘI THẨM NHÂN DÂN

Đào Đức Phú **Đỗ Văn Sơn**

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đỗ Thanh Ngọc